

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành theo Quyết định số 1409 / QĐ-ĐHKH, ngày 01 tháng 12 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - ĐHTN)

Tên chương trình đào tạo: LUẬT

Tiếng Việt: Luật

Tiếng Anh: Law

Ngành đào tạo: Luật

Mã ngành: 7380101

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Luật

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Thời gian đào tạo: 04 năm

1.2. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông

1.3. Thang điểm, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- *Thang điểm: 10*

- *Quy trình đào tạo: Theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

- *Điều kiện tốt nghiệp:*

+ *Điều kiện chung: Theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

+ *Điều kiện của chuyên ngành: không có*

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục đích đào tạo (Goals)

Chương trình đào tạo được xây dựng nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật, dịch vụ pháp luật, thực tiễn pháp lý, có các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp. Sản phẩm của chương trình đào tạo là các Cử nhân luật có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức, có kiến thức và năng lực để có thể nghiên cứu cũng như giải quyết được các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực pháp luật, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể trở thành cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước; luật sư, công chứng viên; thừa phát lại hoặc các chuyên gia nghiên cứu pháp lý; phụ trách công tác pháp chế trong doanh nghiệp; giảng viên chuyên ngành luật có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có năng lực tự học, tự nghiên cứu; có năng lực tư duy, sáng tạo, năng lực học tập ở bậc học cao hơn, có năng lực phản biện xã hội; tinh thần trách nhiệm cao trong nghề nghiệp.

2.2. Mục tiêu đào tạo (Objectives)

MT1. Có kiến thức lý luận và thực tiễn toàn diện, chuyên sâu về ngành Luật và vận dụng được các kiến thức đó vào giải quyết các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực công tác.

MT2. Có kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin; kỹ năng sử dụng Tiếng Anh trong hoạt động chuyên môn.

MT3. Có kỹ năng và thái độ cá nhân, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp; có kỹ năng nhận thức, tư duy, phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý nói chung; vận dụng kiến thức, kỹ năng vào nhận diện và giải quyết các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật đáp ứng vị trí việc làm.

MT4. Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng soạn thảo các văn bản, đàm phán hợp đồng và các kỹ năng mềm trong giải quyết các vấn đề thực tiễn.

MT5. Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm; thích ứng được với sự thay đổi của xã hội; hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng để tiếp tục học tập ở trình độ cao; tự lập nghiệp, có khả năng tự học, lập kế hoạch học tập, trải nghiệm.

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm sau:

- Chuyên viên hành chính tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp quốc doanh và doanh nghiệp tư nhân;
- Thư ký Tòa án: giúp việc cho Thẩm phán, đủ khả năng được bồi dưỡng lên ngạch Thẩm phán sau thời gian làm việc, cống hiến nhất định;
- Tư vấn viên pháp lý: thực hiện hoạt động tư vấn luật tại các tổ chức hành nghề luật, bất động sản, hội luật gia; tư vấn viên pháp lý được Sở Tư pháp cấp thẻ hành nghề.
- Đủ khả năng làm việc ở các vị trí khác nhau tại các cơ quan tư pháp (tòa án, Viện kiểm sát), Sở tư pháp, công an, cảnh sát như: chấp hành viên, điều tra viên, thừa phát lại, giám định viên, chuyên viên pháp lý, công chứng viên
- Cán bộ nghiên cứu và giảng dạy pháp luật tại trường học, viện nghiên cứu.
- Tự thành lập tổ chức hành nghề luật độc lập của riêng mình.

4. CHUẨN ĐẦU RA VÀ THANG TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC

4.1. Chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức về giáo dục đại cương, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành.	
1.1	<i>Hiểu các kiến thức giáo dục đại cương:</i> Hiểu các kiến thức về lý luận chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục thể chất; hiểu và vận dụng các kiến thức nền tảng khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn; sử dụng kiến thức tin học, ngoại ngữ.	2
1.2	<i>Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành:</i> Vận dụng kiến thức Lý luận về nhà nước và pháp luật; pháp luật hiến pháp, pháp luật hành chính; pháp luật hình sự và tố tụng hình sự; pháp luật dân sự và tố tụng dân sự; pháp luật thương mại, lao động, đất đai, hôn nhân và gia đình, Tài chính; pháp luật quốc tế.	3
1.3	<i>Vận dụng các kiến thức chuyên ngành:</i> Vận dụng các kiến thức lý luận chuyên sâu và thực tiễn pháp lý để giải quyết những vấn đề chuyên ngành sâu thuộc một trong lĩnh vực pháp luật hành chính nhà nước, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự, pháp luật kinh tế, pháp luật quốc tế; vận dụng các kỹ năng pháp lý cần thiết để thực hiện các hoạt động nghề nghiệp cụ thể.	3
2	Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp	
2.1	<i>Có khả năng giải quyết vấn đề:</i> phát hiện vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề; liên hệ kiến thức chuyên ngành luật để giải quyết các vụ việc pháp lý thực tế; đưa ra giải pháp, khuyến nghị, đánh giá và đề xuất.	3

2.2	<i>Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức:</i> biết nhận diện các quan hệ pháp luật và xác định pháp luật điều chỉnh; phân tích, bình luận pháp luật Việt Nam; biết so sánh, đối chiếu pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế; biết lập giả thuyết, tìm kiếm, tổng hợp tài liệu; cập nhật thông tin trong lĩnh vực pháp lý.	3
2.3	<i>Có tư duy hệ thống:</i> phát hiện các yếu tố trọng điểm, mối tương quan giữa các yếu tố; khái quát hoá vấn đề; chỉ ra, phân tích ưu điểm, hạn chế và xây dựng giải pháp hợp lý.	3
2.4	<i>Có kỹ năng và phẩm chất cá nhân:</i> Hình thành tính kiên trì, quyết đoán, linh hoạt; biết quản lý thời gian và nguồn lực; có khả năng xây dựng mục tiêu cá nhân đối với việc phát triển nghề nghiệp và có kế hoạch thực hiện mục tiêu đó; có tư duy phản biện, tư duy hệ thống, có khả năng tự học.	3
2.5	<i>Có kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp:</i> Soạn thảo thành thạo văn bản pháp luật; có kỹ năng tư vấn pháp luật; đàm phán, soạn thảo hợp đồng; giải quyết vụ việc dân sự, hình sự, tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo; có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, yêu nghề; tinh thần trách nhiệm với công việc; chủ động, tự tin trong công việc, dám làm dám chịu trách nhiệm; có tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc, lợi ích công cộng; có tinh thần thượng tôn pháp luật.	3
3	Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng ngoại ngữ	
3.1	<i>Có kỹ năng làm việc nhóm:</i> Có khả năng thành lập nhóm, hướng dẫn, giám sát, phối hợp thành viên trong nhóm giải quyết công việc hiệu quả.	3
3.2	<i>Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả:</i> kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thể hiện ý kiến, bảo vệ quan điểm cá nhân; kỹ năng đặt vấn đề, giải quyết vấn đề trong giao tiếp; có kỹ năng thuyết minh và thuyết phục trong giao tiếp.	3
3.3	<i>Có kỹ năng ngoại ngữ:</i> sử dụng Tiếng Anh ở mức cơ bản; hiểu một số thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành luật.	2

4	Năng lực hình thành ý tưởng; xây dựng, thực hiện, đánh giá hoạt động pháp lý; áp dụng các kiến thức vào thực tiễn.	
4.1	<i>Có khả năng hiểu bối cảnh xã hội và môi trường:</i> Hiểu vai trò và trách nhiệm của người học luật đối với xã hội, hiểu sự ảnh hưởng của pháp luật đối với xã hội và sự tác động của xã hội đối với pháp luật; hiểu các vấn đề của thời đại và phát triển theo xu hướng hội nhập quốc tế.	2
4.2	<i>Có khả năng hiểu bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức:</i> Nhận diện được bối cảnh kinh tế - xã hội; có khả năng thích ứng với các điều kiện và môi trường làm việc khác nhau; có ý thức kỷ luật, chủ động, tự tin trong công việc; có khả năng làm việc thành công trong tổ chức.	2
4.3	<i>Có năng lực hình thành ý tưởng trong hoạt động hành nghề luật:</i> hiểu yêu cầu và mục tiêu của hoạt động; xác định nội dung của hoạt động; dự báo tính khả thi của ý tưởng.	3
4.4	<i>Có năng lực xây dựng phương án thực hiện hoạt động pháp lý:</i> xác định các bước thực hiện; có khả năng xây dựng phương án thực hiện cụ thể, có tính khả thi; lựa chọn phương án thực hiện.	3
4.5	<i>Có năng lực thực hiện hoạt động pháp lý:</i> biết lựa chọn nguồn lực và phương pháp thực hiện; tổ chức thực hiện, quản lý, đánh giá hoạt động.	3
4.6	<i>Có năng lực đánh giá hoạt động pháp lý:</i> đánh giá kết quả thực hiện, điều chỉnh hoạt động pháp lý.	3



4.2. Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực		Mô tả ngắn
$TĐNL \leq 1.0$	Cơ bản	Nhớ: Sinh viên ghi nhớ/nhận ra/nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,...
$1.0 < TĐNL \leq 2.0$	Đạt yêu cầu	Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận,...

$2.0 < \text{TĐNL} \leq 3.0$		Áp dụng: Sinh viên phân tích tài liệu/kiến thức thành các chi tiết/bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...
$3.0 < \text{TĐNL} \leq 4.0$		Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/kiến thức thành các chi tiết/bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...
$4.0 < \text{TĐNL} \leq 5.0$	Thành thạo	Đánh giá: Sinh viên đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất,...
$5.0 < \text{TĐNL} \leq 6.0$	Xuất sắc	Sáng tạo: Sinh viên kiến tạo/sắp xếp/tổ chức/thiết kế/khái quát hoá các chi tiết/bộ phận theo cách khác/mới để tạo ra cấu trúc/mô hình mới

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 135 tín chỉ (Chưa kể nội dung giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng).

6. PHÂN BỐ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

Nội dung	Số tín chỉ (%)	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương	43 (31,9%)	40	3
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92 (68,1%)	80	12
- Kiến thức cơ sở ngành	53 (39,3%)	51	2
- Kiến thức chuyên ngành	22 (16,3%)	12	10
+ Thực tập, thực tế chuyên môn	10 (7,4%)	10	
- Khoa luận (hoặc HP thay thế)	7 (5,2%)	7	
Tổng	135	120	15

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ (LT/BT-TL/ TH-TN/TH)	HP tiên quyết; học trước (*)
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	43		
1.1	Lý luận chính trị	11		
1.1.1	Triết học Mác - Lênin	3	45/0/0/90	
1.1.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30/0/0/60	
1.1.3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30/0/0/60	
1.1.4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30/0/0/60	
1.1.5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30/0/0/60	
1.2	Ngoại ngữ	10		
1.2.1	Tiếng Anh 1	4	60/0/0/120	
1.2.2	Tiếng Anh 2	3	45/0/0/90	
1.2.3	Tiếng Anh 3	3	45/0/0/90	
1.3	Tin học - Khoa học tự nhiên	6		
1.3.1	Tin học đại cương	3	30/0/30/90	
1.3.2	Môi trường và phát triển bền vững	3	30/0/30/90	
1.4	Khoa học xã hội và nhân văn	16		
1.4.1	Xã hội học đại cương	3	45/0/0/90	
1.4.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45/0/0/90	
1.4.3	Logic học đại cương	2	30/0/0/60	
1.4.4	Đạo đức nghề luật	2	25/10/0/60	
1.4.5	Tiếng Việt thực hành	3	45/0/0/90	
1.4.6	Tự chọn	3/12		
1.4.6.1	Tâm lý học tư pháp	3	40/10/0/90	
1.4.6.2	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	45/0/0/90	
1.4.6.3	Kỹ năng giao tiếp	3	45/0/0/90	
1.4.6.4	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	3	45/0/0/90	
1.5	Giáo dục thể chất (*)			
1.6	Giáo dục quốc phòng (*)			

2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
2.1	Khối kiến thức cơ sở ngành	53		
Bắt buộc		51		
2.1.1	Lý luận Nhà nước và pháp luật	5	70/10/0/150	
2.1.2	Luật Hiến pháp	4	55/10/0/120	
2.1.3	Luật Hành chính	3	40/10/0/90	
2.1.4	Luật Dân sự 1	3	40/10/0/90	
2.1.5	Luật Dân sự 2	3	40/10/0/90	
2.1.6	Luật Tổ tụng dân sự	3	40/10/0/90	
2.1.7	Luật Hôn nhân và gia đình	3	40/10/0/90	
2.1.8	Luật Hình sự 1	3	40/10/0/90	
2.1.9	Luật Hình sự 2	3	40/10/0/90	
2.1.10	Luật Tổ tụng hình sự	3	40/10/0/90	
2.1.11	Luật Thương mại	4	55/10/0/120	
2.1.12	Luật Đất đai	3	40/10/0/90	
2.1.13	Luật Lao động	3	40/10/0/90	
2.1.14	Luật Quốc tế	3	40/10/0/90	
2.1.15	Luật tục các dân tộc thiểu số Việt Nam	2	25/10/0/60	
2.1.16	Luật Tài chính	3	40/10/0/90	
Tự chọn		2/6		
2.1.17	Những vấn đề lớn của thời đại	2	30/0/0/60	
2.1.18	Luật học so sánh	2	25/10/0/60	
2.1.19	Tiếng Anh chuyên ngành luật	2	25/10/0/60	
2.2	Khối kiến thức chuyên ngành	22		
Bắt buộc		12		
2.2.1	Luật Sở hữu trí tuệ	3	40/10/0/90	
2.2.2	Lý luận về định tội danh	3	40/10/0/90	
2.2.3	Pháp luật An sinh xã hội	3	40/10/0/90	
2.2.4	Tư pháp quốc tế	3	40/10/0/90	
Tự chọn 1		6/24		
2.2.5	Tội phạm học	3	40/10/0/90	
2.2.6	Khoa học điều tra hình sự	3	40/10/0/90	
2.2.7	Pháp luật về công chứng, chứng thực	3	40/10/0/90	

2.2.8	Xây dựng văn bản pháp luật	3	40/10/0/90	
2.2.9	Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	3	40/10/0/90	
2.2.10	Luật thi hành án dân sự	3	40/10/0/90	
2.2.11	Luật Ngân hàng	3	40/10/0/90	
2.2.12	Luật thương mại quốc tế	3	40/10/0/90	
Tự chọn 2		4/12		
2.2.13	Kỹ năng giải quyết vụ việc dân sự	2	20/20/0/60	
2.2.14	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	20/20/0/60	
2.2.15	Kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai	2	20/20/0/60	
2.2.16	Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự	2	20/20/0/60	
2.2.17	Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo	2	20/20/0/60	
2.2.18	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	2	20/20/0/60	
2.3	Thực tế, thực tập	10		
2.3.1	Thực tế chuyên môn 1	3	0/90/0/90	
2.3.2	Thực tế chuyên môn 2	3	0/90/0/90	
2.3.3	Thực tập tốt nghiệp	4	0/120/0/120	
2.4	Khóa luận TN hoặc HP thay thế	7		
	Học phần thay thế (SV lựa chọn các học phần tự chọn chưa học)	7		
Tổng		135		

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO HỌC KỲ

Học kỳ 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	ENG141	Tiếng Anh 1 English 1	4	
2	FCV131	Cơ sở văn hóa Việt Nam Fundamental culture of Viet Nam	3	
3	GIF131	Tin học đại cương General Informatics	3	
4	TSL251	Lý luận NN và pháp luật General Theory of State and Law	5	
5	Tự chọn		3/12	

5.1	GHV131	Lịch sử Việt nam đại cương General history of Viet Nam	3	
5.2	LPS131	Tâm lý học tư pháp Legal Psychological	3	
5.3	COS131	Kỹ năng giao tiếp Communication skill	3	
	LTS131	Kỹ thuật soạn thảo văn bản Legal text editing skill	3	
5.4	PHE101	Giáo dục thể chất 1		
Tổng			18	

Học kỳ 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	ENG142	Tiếng Anh 2 English 2	3	
2	VTP131	Tiếng Việt thực hành Vietnamese theory and practice	3	
3	PML131	Triết học Mác Lê nin Philosophy of marxism and Leninism	3	
4	LOG121	Logic học	2	
5	COL241	Luật Hiến pháp Constitutional Law	4	
6	ADL231	Luật Hành chính Administrative Law	3	
7	PHE102	Giáo dục thể chất 2		
Tổng			18	

Học kỳ 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	CIL241	Luật Dân sự 1 Civil Law 1	3	
2	CRL231	Luật Hình sự 1 Criminal Law 1	3	
3	INL231	Luật Quốc tế International law	3	
4	ENG133	Tiếng Anh 3 English 3	3	
5	MPE121	Kinh tế chính trị Mác Lê nin Political economics of marxism and Leninism	2	
6	ESD131	Môi trường và phát triển bền vững Environment and sustainable development	3	
Tổng			17	

Học kỳ 4				
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	CIL242	Luật Dân sự 2 Civil Law 2	3	
2	CML241	Luật Thương mại Commercial law	4	
3	CRL232	Luật Hình sự 2 Criminal Law 2	3	
4	LAL231	Luật Đất đai Land Law	3	
5	LAW421	Thực tế chuyên môn 1	3	
6		Tự chọn	2/6	
6.1	EIA221	Những vấn đề lớn của thời đại Enormous issue of the Age	2	
6.2	COL241	Luật học so sánh Comparative Law	2	
6.3	LEN221	Tiếng Anh chuyên ngành luật Legal English	2	
7	MIE101	Giáo dục quốc phòng		
Tổng			18	

Học kỳ 5				
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	LMF232	Luật Hôn nhân và gia đình Law on Marriage and Family	3	
2	LBL231	Luật Lao động Labour Law	3	
3	CIP231	Luật Tố tụng dân sự Civil Procedure	3	
4	CRL232	Luật Tố tụng hình sự Criminal Procedure	3	
5	FIL232	Luật Tài chính Financial law	3	
6	CEV221	Luật tục các dân tộc thiểu số Việt Nam Customary of Ethnic minority in Viet Nam	2	
Tổng			17	

Học kỳ 6				
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	HIS121	Lịch sử Đảng CS Việt Nam History of Vietnamese communist party	2	

2	IPL331	Tư pháp quốc tế International private law	3	
3	IPL331	Luật Sở hữu trí tuệ Law on Intellectual Property	3	
4	TDC331	Lý luận về định tội danh Theory of define crime	3	
5	LSS331	Pháp luật An sinh xã hội Law on Social Security	3	
6	LEM121	Đạo đức nghề luật Legal Morality	2	
7	LAW432	Thực tế chuyên môn 2	3	
Tổng			19	

Học kỳ 7

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh 's thought	2	
2	SCS121	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	
3	SOS131	Xã hội học đại cương Society science	3	
4		Tự chọn 1	6/24	
5	CRI331	Tội phạm học Criminology	3	
6	CIS331	Khoa học điều tra hình sự Criminal Investigation Science	3	
7	LNC331	Pháp luật về công chứng, chứng thực Law on notarization and certification	3	
8	DRL331	Xây dựng văn bản pháp luật Drafting legislation	3	
9	SEI331	Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ Security interests	3	
10	LEC331	Luật thi hành án dân sự Law on enforcement of civil judgments	3	
11	BAL331	Luật Ngân hàng Banking law	3	
12	ITL331	Luật thương mại quốc tế International Trade Law	3	
13	CCS321	Tự chọn 2	4/12	
14	LCS321	Kỹ năng giải quyết vụ việc dân sự Civil cases resolution skill	2	
15	LDS321	Kỹ năng tư vấn pháp luật Legal consulting skill	2	
16	CRS321	Kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai Land dispute resolution skill	2	

17	HDS321	Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự Criminal cases resolution skill	2	
18	CDS321	Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo Skills in handling complaints and denunciations	2	
19	CNS321	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng Contract negotiation and drafting skills	2	
Tổng			17	

Học kỳ 8

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	LAW441	Thực tập tốt nghiệp	4	
2	LAW904	Khóa luận TN và học phần thay thế	7	
<i>Sinh viên lựa chọn học phần chưa học trong các học phần tự chọn của chương trình đào tạo để thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>				
Tổng			11	

9. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

9.1. Triết học Mác – Lê nin (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học đúng đắn thông qua những nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: Trình bày hệ thống quan niệm của triết học Mác - Lênin về tự nhiên, xã hội và con người, mối quan hệ giữa tự nhiên, xã hội và con người; những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và của tư duy con người. Lý luận của triết học Mác - Lênin về hình thái kinh tế - xã hội, về giai cấp, đấu tranh giai cấp giải phóng con người, về dân tộc, cách mạng xã hội, vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân lãnh tụ trong lịch sử.

9.2. Kinh tế chính trị Mác Lê nin (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa qua việc nghiên cứu 3 học thuyết kinh tế: học thuyết về giá trị, học thuyết về giá trị thặng dư và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Các học thuyết này không chỉ làm rõ những quy luật kinh tế chủ yếu chi phối sự vận động của nền kinh tế thị trường, của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa mà còn chỉ ra tính tất yếu của sự sụp đổ chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Triết học Mác Lê nin

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

9.4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam; Những kiến thức cơ bản và có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

9.5. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Môn học trước: Triết học Mác Lê nin

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về hệ thống chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những chính sách đường lối, pháp luật của Đảng, của Nhà nước. Bên cạnh đó, cung cấp thêm tri thức các lĩnh vực như khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu sự vận động của xã hội, thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội chủ nghĩa, xã hội cộng sản chủ nghĩa.

9.6. Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 60 (60/0/0/120)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức hướng trọng tâm vào củng cố ngữ pháp tiếng Anh và viết tiếng Anh, tập trung vào phân tích câu chữ và viết các bài luận, thuyết trình cơ bản tương đương trình độ A2 khung tham chiếu Châu Âu.

9.7. Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng trong việc rèn nghe tiếng Anh và luyện phát âm tiếng Anh, thuyết trình cơ bản tương đương trình độ A2 khung tham chiếu Châu Âu.

9.8. Tiếng Anh 3 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phản xạ trong giao tiếp tiếng Anh, có thể trao đổi, nói chuyện về các chủ đề thông thường trong đời sống cũng như một số chủ đề mang tính học thuật bằng tiếng Anh.

9.9. Tin học đại cương (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không



Tóm tắt nội dung môn học: Nội dung chính của học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học và kỹ năng sử dụng tin học văn phòng. Nắm vững các khái niệm cơ bản trong tin học. Kỹ năng sử dụng: Hệ điều hành Windows, Microsoft Word, Microsoft Excel. Biết sử dụng Internet, tìm kiếm và khai thác thông tin.

9.10. Môi trường và phát triển bền vững (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/0/30/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Nội dung chính của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường, gắn kết những vấn đề môi trường và phát triển, tạo cơ sở để nghiên cứu những lĩnh vực khác như quản lý khoa học – công nghệ và môi trường, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn.

9.11. Lý luận Nhà nước và pháp luật (5 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 75 (70/10/150)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật, về hình thức, chức năng, bộ máy nhà nước, mối quan hệ nhà nước và cá nhân. Nội dung học phần bao gồm các phạm trù cơ bản trong hệ thống về nhà nước và pháp luật: quy luật hình thành, tồn tại, phát triển của nhà nước và pháp luật, xu hướng vận động của các hiện tượng nhà nước, pháp luật. Học phần cũng hệ thống các kiến thức cơ bản về pháp luật bao gồm: thuộc tính, chức năng, hình thức, nguồn và nguyên tắc pháp luật; mối quan hệ giữa pháp luật và nhà nước với các phương tiện điều chỉnh, thiết chế xã hội khác; nhà nước pháp quyền, xã hội dân sự. Nội dung học phần còn bao gồm các vấn đề cơ bản về cơ chế điều chỉnh pháp luật; mối quan hệ giữa xây dựng và thực hiện, áp dụng pháp luật; ý thức pháp luật, văn hóa pháp luật.

9.12. Logic học đại cương (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học kiến thức về logic học, đó là nghiên cứu các hình thức logic của tư duy, vạch ra những qui tắc, qui luật của quá trình tư duy. Qua đó khẳng định tính đúng đắn của tư duy. Tuân theo các qui tắc, qui luật là điều kiện cần để đạt tới chân lý trong quá trình phản ánh hiện thực.

9.13. Đạo đức nghề luật (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (25/10/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đạo đức hành nghề của người học luật như nguyên tắc, chuẩn mực hành nghề, văn hóa doanh nghiệp và những điều người làm luật không được thực hiện nhằm đảm bảo sự thượng tôn pháp luật.

9.14. Lịch sử Việt Nam đại cương (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sự hình thành và phát triển của các kiểu nhà nước và pháp luật ở Việt Nam.

9.15. Tâm lý học tư pháp (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản của tâm lý học như: tâm lý, tâm lý học, hoạt động, giao tiếp, nhân cách; các phương pháp nghiên cứu cơ bản của tâm lý học như: quan sát, điều tra, trắc nghiệm, thực nghiệm, phỏng vấn...; quá trình hình thành và phát triển tâm lý người. Các nội dung về tâm lý học pháp lý như: tâm lý học tội phạm, tâm lý học nhân chứng, tâm lý học tư pháp...

9.16. Kỹ năng giao tiếp (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần giúp sinh viên có thể nâng cao khả năng giao tiếp, biết cách ứng xử và đặt vấn đề giải quyết vấn đề thông qua giao tiếp.

9.17. Những vấn đề lớn của thời đại (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (30/0/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học kiến thức về các học thuyết lãnh đạo, quản lý và kiến thức lãnh đạo, quản lý gắn với thực tiễn đời sống chính trị, xã hội, kinh tế theo xu hướng phát triển, vận động của thời kỳ hiện đại.

9.18. Giáo dục thể chất

Nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về giáo dục thể dục thể thao: Lịch sử hình thành, phát triển của thể dục, thể thao Việt Nam; Phong trào Olympic; Giáo dục thể chất trong trường đại học; Một số khái niệm cơ bản liên quan trong lĩnh vực thể dục, thể thao; Chấn thương trong thể thao và các bệnh thường gặp trong tập luyện thể dục, thể thao; Khái quát chung về kỹ thuật và luật một số môn Thể thao. Thực hành kỹ thuật một số môn thể thao

9.19. Giáo dục quốc phòng

Giáo dục quốc phòng - an ninh góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên về lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; có ý thức cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; có kỹ năng quân sự để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

9.20. Luật Hiến pháp (4 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 60 (55/10/0/120)

Môn học trước: Lý luận Nhà nước và pháp luật

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về luật hiến pháp - luật quy định về chế độ chính trị dân chủ ở Việt Nam hiện nay; các cách thức tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định của Hiến pháp hiện hành, có đối chiếu với các cách thức tổ chức và hoạt động của các nước trên thế giới. Đó là một nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công và phối kết hợp giữa 3 quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

9.14. Luật Hành chính (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Lý luận Nhà nước và pháp luật

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngành Luật hành chính; quản lý nhà nước; vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp kiểm soát (giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán), đối với hoạt động quản lý nhà nước; giải quyết tranh chấp pháp lý phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước. Những kiến thức này là cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước; bảo đảm quản lý có hiệu quả, hiệu lực và bảo hộ tích cực các quyền lợi hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lý nhà nước. Luật hành chính Việt Nam còn cung cấp những kiến thức nền tảng cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lý chuyên ngành khác như: Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; Luật tổ tụng hành chính, Xây dựng văn bản pháp luật, Luật đất đai, Luật tài chính, Luật lao động, Luật môi trường và Luật hôn nhân và gia đình.

9.15. Luật Dân sự 1 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Lý luận Nhà nước và pháp luật

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Luật dân sự - một bộ phận quan trọng của hệ thống pháp luật Việt Nam gồm: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nguồn của luật dân sự; chế định quyền nhân thân, tài sản và quyền sở hữu, chế định giám hộ, đại diện, giao dịch dân sự và chế định thừa kế.

9.16. Luật Dân sự 2 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45(40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 1

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức của học phần Luật Dân sự 2, là nội dung nối tiếp của học phần Luật Dân sự 1 gồm: Hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

9.17. Luật Hình sự 1 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Lý luận Nhà nước và pháp luật

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Phần chung của luật hình sự Việt Nam bao gồm: Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc của luật hình sự; lịch sử luật hình sự Việt Nam; đạo luật hình sự;

khái niệm tội phạm và phân loại tội phạm, lý luận về cấu thành tội phạm và các yếu tố cấu thành tội phạm; các giai đoạn phạm tội; đồng phạm; các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự; trách nhiệm hình sự và hình phạt; quyết định hình phạt; miễn, giảm hình phạt và xóa án tích; trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.

9.18. Luật Hình sự 2 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Hình sự 1

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về định tội danh và những vấn đề cơ bản về Phần các tội phạm của luật hình sự; các tội xâm phạm an ninh quốc gia; các tội xâm phạm quyền nhân thân của con người; các tội phạm xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân; các tội xâm phạm sở hữu; các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường; các tội phạm về ma túy; các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính của nhà nước; các tội phạm về chức vụ; các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp; các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân; các tội phá hoại hòa bình, chống loài người, tội phạm chiến tranh; cũng như trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với từng nhóm tội phạm.

9.19. Luật Thương mại (4 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 60 (45/30/0/120)

Môn học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho học viên kiến thức chung về luật thương mại, các cấu phần của lĩnh vực pháp luật này và tập trung vào vấn đề quy chế pháp lý thương nhân. Học phần cũng cung cấp kiến thức cho người học về các đặc trưng pháp lý của từng loại hình thương nhân từ thương nhân đơn lẻ đến các loại công ty, việc thành lập, quản trị đến giải thể của thương nhân.

9.20. Luật Đất đai (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 1

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các thủ tục hành chính trong quản lý, sử dụng đất đai và trình tự thực hiện các quyền của người sử dụng đất... Bên cạnh đó, học phần còn mang đến cho sinh viên hệ

thông kiến thức về giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, pháp luật về nhà ở và các loại đất có thể tham gia vào thị trường bất động sản.

9.21. Luật Lao động (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về luật Lao động như: Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc cơ bản của luật Lao động Việt Nam; Quan hệ pháp luật lao động; Học và dạy nghề; Khái niệm, ý nghĩa, nội dung, hình thức và giao kết hợp đồng lao động; Hợp đồng lao động vô hiệu; Cho thuê lại lao động; Một số vấn đề pháp lý về tiền lương; Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; An toàn và vệ sinh lao động; Trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm vật chất; Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; Đình công và giải quyết các cuộc đình công; Quản lý nhà nước về lao động.

9.22. Luật Hôn nhân và gia đình (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam - một bộ phận quan trọng của hệ thống pháp luật Việt Nam. Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của cá nhân là chủ thể của quan hệ hôn nhân và gia đình; quyền và nghĩa vụ của các cá nhân về nhân thân và tài sản trong các quan hệ hôn nhân và gia đình, có nhiệm vụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trong quan hệ hôn nhân và gia đình đặc biệt là trẻ em.

9.23. Luật Tài chính (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Thương mại

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học có kiến thức về xác lập nguồn tài chính, sử dụng nguồn tài chính và quản lý nguồn tài chính của Nhà nước, các loại thuế. Học phần cũng cung cấp các kiến thức về hoạt động của các tổ chức ngân hàng.

9.24. Luật Ngân hàng (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Thương mại

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học có kiến thức về hoạt động và tổ chức hoạt động của ngành Ngân hàng, quy trình nghiệp vụ ngân hàng.

9.25. Luật Tố tụng dân sự (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại Tòa án. Đối tượng nghiên cứu của học phần là những vấn đề lý luận về Luật Tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện tại các cơ quan tư pháp như: Khái niệm và nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng dân sự; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng...

9.26. Luật Tố tụng hình sự (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Hình sự 1, Luật Hình sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về luật tố tụng hình sự Việt Nam bao gồm: Khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự và quá trình phát triển của Luật tố tụng hình sự Việt Nam; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng; chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự; các biện pháp ngăn chặn được áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; trình tự khởi tố; điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự; giám đốc thẩm, tái thẩm; thủ tục giải quyết vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên; thủ tục áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; thủ tục rút gọn trong việc giải quyết vụ án hình sự và những vấn đề về khiếu nại, tố cáo và hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

9.27. Tư pháp quốc tế (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/30/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những kiến thức lý luận cơ bản về TPQT với tư cách là một bộ môn khoa học pháp lý và một lĩnh vực pháp luật đặc thù trong hệ thống Pháp luật quốc gia; Vấn đề xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài; nguyên tắc cũng như các quy định thực định của Pháp luật Việt Nam về giải quyết xung đột pháp luật trong các lĩnh vực: năng lực pháp luật của cá nhân, pháp nhân; sở hữu; hợp đồng; trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thừa kế; hôn nhân và gia đình; lao động; Nguyên tắc và các quy định thực chất của Pháp luật Việt Nam điều chỉnh trực tiếp các quan hệ có tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài; Vấn đề tố tụng dân sự quốc tế và trọng tài thương mại quốc tế.

9.28. Lý luận về định tội danh (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Hình sự 1, Luật Hình sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động nhận thức, áp dụng pháp luật hình sự được thực hiện trên cơ sở xác định đầy đủ, chính xác, khách quan các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội theo đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự quy định cấu thành tội phạm tương ứng và xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của cấu thành tội phạm.

9.29. Luật quốc tế (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Hiến pháp

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế giữa các nhà nước, các chủ thể của luật quốc tế; nguyên tắc của luật quốc tế; luật biển, hàng hải và hàng không quốc tế cũng như biện pháp giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia.

9.30. Pháp luật An sinh xã hội (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Lao động

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức An sinh xã hội (ASXH) là sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của mình thông qua một loạt biện pháp công cộng, nhằm chống lại những khó khăn về kinh tế và xã hội do bị

ngừng hoặc giảm thu nhập, gây ra bởi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, thất nghiệp, thương tật, tuổi già và chết; đồng thời, đảm bảo các chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình đông con..

9.31. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 2, Luật Thương mại

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc cơ bản trong đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hai lĩnh vực dân sự và thương mại. Với nhiều nội dung thực hành, sinh viên sẽ rèn luyện cách đặt vấn đề, phát hiện và giải quyết vấn đề trên bàn đàm phán hợp đồng cũng như những lưu ý trong soạn thảo các điều khoản đặc trưng trong lĩnh vực dân sự, thương mại.

9.32. Luật Sở hữu trí tuệ (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ: khái niệm và điều kiện bảo hộ đối với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ; trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ, nội dung và giới hạn quyền sở hữu trí tuệ; chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng các biện pháp dân sự, hành chính, hình sự và kiểm soát hàng hoá xuất, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ.

9.33. Kỹ năng tư vấn pháp luật (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (35/20/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 2, Luật Hình sự 2, Luật Thương mại

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về tư vấn pháp luật dưới hai hình thức, đó là tư vấn trực tiếp bằng lời nói và tư vấn bằng văn bản – thư tư vấn. Đây là hoạt động thực hành nghề luật mà những sinh viên luật muốn làm khi theo nghề Luật sư. Sinh viên được thực sự lao vào thực tế, cảm nhận những cảm xúc thực tế mà chưa từng có từ bài giảng lý thuyết. Kỹ năng tư vấn pháp luật thường được chia theo hình thức tư vấn hoặc chia theo nhóm quan hệ pháp luật. Theo hình thức, tư vấn được chia thành tư vấn trực tiếp bằng văn bản và tư vấn bằng thư tư vấn; còn lại, tư vấn pháp luật được chia theo ngành luật, mối quan hệ pháp luật như tư

vấn doanh nghiệp, hợp đồng, hôn nhân...than gia môn học tư vấn pháp luật, học viên được nghiên cứu, học hỏi các kỹ năng tư vấn pháp luật, từ việc tiếp nhận yêu cầu tư vấn đến việc đưa ra ý kiến pháp lý, giải pháp pháp lý để khách hàng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

9.34. Tiếng Việt thực hành (3 tín chỉ) – đã sửa lại số TC

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/6)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức liên quan đến câu, từ, sử dụng câu và đặt câu hoàn chỉnh, biểu lộ ý nghĩa trong nội dung câu văn và trình bày ý, câu một cách rõ ràng.

9.35. Pháp luật về công chứng, chứng thực (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/0/90)

Môn học trước: Luật Hành chính

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lí luận, thực tiễn trong lĩnh vực công chứng, chứng thực và pháp luật trong lĩnh vực công chứng, chứng thực. vị trí, vai trò của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cá nhân có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước trong việc thực hiện hoạt động quản lý hành chính – tư pháp đối với lĩnh vực công chứng, chứng thực. Hoạt động công chứng, chứng thực trong thực tiễn, những vướng mắc, bất cập.

9.36. Kỹ thuật soạn thảo văn bản (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học các kỹ năng xây dựng nội dung, soạn thảo văn bản hành chính của cơ quan hành chính nhà nước như: nghị quyết, quyết định, công văn, thông báo, chỉ thị, biên bản

9.37. Xây dựng văn bản pháp luật (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (30/30/0/90)

Môn học trước: Luật Hành chính, Luật Hiến pháp

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật, phân biệt và xác định thẩm quyền ban hành văn bản, soạn thảo đúng thể thức, nội dung văn bản.

9.38. Kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (15/30/0/60)

Môn học trước: Luật Đất đai

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần rèn luyện cho sinh viên cách xây dựng hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai, tư vấn và tham gia tư vấn, giải quyết các tranh chấp đất đai trong thực tiễn

9.39. Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (15/30/0/60)

Môn học trước: Luật Tố tụng dân sự

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về giải quyết các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình như: tranh chấp về hợp đồng, tranh chấp về tài sản thừa kế, tranh chấp về quyền nuôi con, về cấp dưỡng, chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và sau khi ly hôn...

9.40. Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (15/30/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và rèn luyện kỹ năng trợ giúp pháp lý cho nhân dân thông qua hoạt động lập hồ sơ, tư vấn cũng như hỗ trợ pháp lý tại tòa án, ngoài ra, học phần cũng cung cấp các thông tin, kỹ năng nắm bắt tâm lý các đối tượng, phương hướng tổ chức thực hiện một cuộc hòa giải tại các cơ quan, đơn vị, cộng đồng dân cư.

9.41. Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (15/30/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và rèn luyện kỹ năng lập hồ sơ vụ án hình sự, kỹ năng thu thập chứng cứ, bảo quản chứng cứ, xác định chứng cứ, kỹ năng lập luận và quy trình nghiệp vụ giải quyết vụ án hình sự.

9.42. Tội phạm học (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/90)

Môn học trước: Luật Hình sự 1, Luật Hình sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tội phạm học như: khái niệm, nhân thân, đặc điểm hoàn cảnh phạm tội và tâm lý tội phạm.

9.43. Khoa học điều tra hình sự (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/90)

Môn học trước: Luật Hình sự 1, Luật Hình sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận về công tác điều tra, khám nghiệm hiện trường, xác định chứng cứ và bảo quản, sử dụng chứng cứ trong công tác giải quyết vụ án hình sự.

9.44. Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn về các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ như thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, ... trong nhiều lĩnh vực dân sự, thương mại.

9.45. Luật Thi hành án dân sự (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/90)

Môn học trước: Luật Dân sự 2

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về thi hành án dân sự bao gồm các hoạt động như cấp, chuyển giao bản bản án, quyết định dân sự; giả thích bản bản án, quyết định dân sự, tự thi hành án của người phải thi hành án; gửi đơn yêu cầu thi hành án; ra quyết định thi hành án; ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án; ra quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án và cưỡng chế thi hành án.

9.46. Luật Thương mại quốc tế (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (40/10/90)

Môn học trước: Tư pháp quốc tế

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về việc trao đổi hàng hóa và dịch vụ (hàng hóa hữu hình và hàng hóa vô hình) giữa các quốc gia, tuân theo nguyên tắc trao đổi ngang giá nhằm đưa lại lợi ích cho các bên. Thương mại quốc tế phát triển mạnh cùng với sự phát triển của công nghiệp hoá, giao thông vận tải, toàn cầu hóa, công ty đa quốc gia và xu hướng thuê nhân lực bên ngoài.

9.47. Luật học so sánh (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (25/10/0/60)

Môn học trước: Luật Hiến pháp

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học nghiên cứu so sánh các hệ thống pháp luật khác nhau nhằm tìm ra sự tương đồng và khác biệt, giải thích nguồn gốc, đánh giá cách giải quyết trong các hệ thống pháp luật. Luật học so sánh còn là lý luận, hay là môn khoa học trong các ngành khoa học pháp lý nhằm nghiên cứu và so sánh các văn bản pháp luật và hệ thống pháp luật khác nhau với nhau và với các quy phạm của luật quốc tế để làm sáng rõ sự giống nhau và khác nhau, xác định khuynh hướng phát triển chung của pháp luật.

9.48. Luật tục các dân tộc thiểu số Việt Nam (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (0/60/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học các thuật ngữ pháp lý bằng tiếng Anh và cách thức thực hành.

9.49. Tiếng Anh chuyên ngành Luật (2 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 30 (25/10/0/60)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học các thuật ngữ pháp lý bằng tiếng Anh và cách thức thực hành.

9.50. Xã hội học đại cương (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học cách nghiên cứu những quy luật và những đặc điểm chung nhất của các hiện tượng và quá trình xã hội. Nó nghiên cứu những mối quan hệ, những cơ cấu chung nhất của hệ thống xã hội. XHH đại cương là hệ thống khái niệm, phạm trù, lý thuyết cơ bản của XHH, là cơ sở lý thuyết cho các ngành XHH chuyên biệt

9.50. Cơ sở văn hóa Việt Nam (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (45/0/0/90)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học kiến thức về đời sống tinh thần, thuộc về đời sống tinh thần của người Việt Nam, kể cả đời sống tâm linh, là sự thể hiện tư duy sáng tạo, sáng tác, phát minh, là ý thức về ngôn ngữ, về lịch sử, về kinh tế chính trị xã hội, về đạo đức, về thẩm mỹ của người Việt Nam cùng với những phương thức tiếp nhận những giá trị về đời sống tinh thần trong quan hệ giao lưu với các dân tộc khác.

9.51. Thực tế chuyên môn 1 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (0/90/0/90)

Môn học trước: Luật Hành chính

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Sinh viên dưới sự phân công, hướng dẫn của giảng viên đi thực tế theo kế hoạch tại một cơ quan hành chính nhà nước và làm Báo cáo thực tế.

9.52. Thực tế chuyên môn 2 (3 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 45 (0/90/0/90)

Môn học trước: Luật Tổ tụng dân sự, Luật Tổ tụng hình sự.

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Sinh viên dưới sự phân công, hướng dẫn của giảng viên đi thực tế theo kế hoạch tại một cơ quan thuộc khối tư pháp hoặc tại các doanh nghiệp và làm Báo cáo thực tế.

9.54. Thực tập tốt nghiệp (4 tín chỉ)

Phân bổ thời gian học tập: 60 (0/120/0/120)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Luật Hành chính, Luật Tổ tụng dân sự, Luật Tổ tụng hình sự.

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Sinh viên được lựa chọn nơi thực hành nghề nghiệp theo định hướng chuyên ngành, dưới sự hướng dẫn của giảng viên đi thực hành nghề tại doanh nghiệp, văn phòng luật, cơ quan hành chính nhà nước và làm Báo cáo thực hành nghề nghiệp.

9.55. Khóa luận tốt nghiệp (7 tín chỉ)

Sinh viên lựa chọn đề tài và giảng viên hướng dẫn, đồng thời tiến hành nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, thu thập số liệu, viết và hoàn thành khóa luận. Khóa luận được đánh giá và bảo vệ trước Hội đồng chấm khóa luận.

10. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo

10.1. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, điều kiện học tập

Nhà trường có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định: Nhà trường quản lý và sử dụng Nhà làm việc - Thí nghiệm 5 tầng với diện tích sàn xây dựng là 5.400m², trong đó diện tích phòng làm việc dành cho CB, GV là 1.057m². Các đơn vị trong trường đều được trang bị đầy đủ máy tính, máy in, điều hoà nhiệt độ, bàn ghế và các phương tiện làm việc khác đáp ứng điều kiện làm việc của đội ngũ CB, GV nhà trường.

Nhà trường có đủ diện tích lớp học theo quy định TCVN 3981:1985 cho việc dạy và học (diện tích học sàn xây dựng là 7.730m²), tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy đạt mức cao 1,4m² (mức chuẩn 0,9-1,5m²); có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định (Bãi tập 2.000m² được sử dụng chung với Khoa Ngoại Ngữ và Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông và 300m² sân bóng rổ. Ngoài ra, nhà trường sử dụng nhà thi đấu Thể dục thể thao của ĐHTN với diện tích xây dựng 3.500m² để phục vụ giảng dạy và học tập). Các thiết bị phục vụ cho tập luyện đáp ứng đủ theo yêu cầu của Bộ môn Giáo dục thể chất.

Hệ thống giảng đường, phòng học lý thuyết (33 phòng) được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng viết, đèn chiếu sáng, quạt mát và đa số được gắn máy chiếu cố định, các phòng chưa có, sử dụng máy chiếu di động được bố trí và quản lý tại phòng chờ GV tại các khu giảng đường, các phòng học ghép, phòng học lớn có các thiết bị âm thanh trợ giảng. Các phòng làm việc, giảng đường, phòng học, hội trường, phòng thực hành có biển chỉ dẫn và biển tên rõ ràng. Việc sắp xếp phòng học được thực hiện trên phần mềm IU thuận tiện cho việc quản lý của Nhà trường, theo dõi lịch học, phòng học của giảng viên và sinh viên. Nhà trường có đủ trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH, cụ thể như

sau: 100% phòng học đều được lắp đặt máy chiếu, màn chiếu, loa trợ giảng di động, hệ thống âm thanh trợ giảng hiện đại được lắp cố định tại giảng đường lớn.

Trang thiết bị dạy và học được khai thác hiệu quả, phòng thực hành, thí nghiệm được các khoa chuyên môn trực tiếp quản lý sử dụng đúng mục đích các phòng thí nghiệm đều có nhật ký sử dụng thiết bị thí nghiệm. Phòng Quản trị - Phục vụ chuyên trách về công tác quản trị thiết bị, thực hiện quản lý tài sản, kiểm kê tài sản định kỳ để đánh giá chất lượng và đảm bảo tài sản, thiết bị được sử dụng đúng mục đích; lập các quy trình quy định việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa cũng như đầu tư mới, hướng dẫn sử dụng trang thiết bị phục vụ đào tạo. Nhà trường cũng có cơ chế giám sát, theo dõi tình trạng sử dụng CSVC, trang thiết bị một cách chặt chẽ theo đúng quy định sử dụng trang thiết bị nhà nước đúng mục đích. Định kỳ, hàng năm Nhà trường luôn tổ chức kiểm kê tài sản theo đúng chế độ quy định hiện hành. Hàng năm, phòng Quản trị - Phục vụ phối hợp với phòng KHTC tổng hợp các đề xuất từ các đơn vị trực thuộc để báo cáo lãnh đạo Trường về nhu cầu đầu tư, mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị. Căn cứ nhu cầu thực tế và nguồn kinh phí của năm tài chính, Hiệu trưởng sẽ ban hành Dự toán phân bổ kinh phí cho các đơn vị, trong đó có kinh phí duyệt cho kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản. Khoa có hệ thống phụng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Khoa cũng có một phụng thực hành nghiệp vụ nhằm phục vụ các hoạt động giảng dạy, trao đổi chuyên môn, seminar khoa học và thực hành kỹ năng nghề CTXH.

10.2. Thư viện

Hệ thống tư liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo (cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) từ 02 đơn vị là Trung tâm Học liệu và Công nghệ Thông tin (TTHL&CNTT) - ĐHTN và thư viện của nhà trường (do Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học quản lý) vô cùng phong phú, đáp ứng nhu cầu tìm kiếm thông tin và học tập, nghiên cứu của giảng viên, sinh viên nhà trường. TTHL&CNTT của ĐHTN có diện tích trên 10.000 m², phòng đọc 450 chỗ ngồi và phòng máy tính 400 chỗ cùng với CSVC hiện đại khác; Thư viện trường ĐHKH với diện tích gần 200m², 10 máy tính nối mạng, phòng đọc trên 60m².

TTHL&CNTT có chức năng điều hành và thúc đẩy phát triển hệ thống thông tin - thư viện trong toàn đại học được xây dựng khang trang, tiện nghi, hiện đại với tổng diện tích sử dụng hơn 10.000m². TTHL&CNTT có hệ thống nhiều phòng học, thảo luận nhóm, khu vực học tập yên tĩnh, phòng nghe nhìn đa phương tiện theo tiêu chuẩn quốc tế, phòng dành cho các giảng viên ĐHTN và học viên sau đại học, khu vực cà phê, đồ ăn nhẹ, hội trường lớn trên 300 chỗ ngồi trang bị phương tiện nghe nhìn hiện đại và hệ thống cầu truyền hình trực tuyến, 400 máy tính nối mạng tốc độ, và một hệ thống trang thiết bị

hỗ trợ nghiệp vụ như: máy photocopy và máy in kết nối mạng, máy chiếu, camera, được bố trí lắp đặt hợp lý.

Trường ĐHKH có vị trí gần TTHL&CNTT nên hầu hết CBVC, học viên, SV của nhà trường được sử dụng CSVC và nguồn tài nguyên phong phú của TTHL& CNTT để phục vụ nhu cầu đào tạo, học tập và NCKH, đáp ứng đầy đủ điều kiện của một thư viện hiện đại. Hiện TTHL&CNTT đã sở hữu bộ sưu tập sách lên tới 122.319 cuốn với nhiều lĩnh vực khác nhau từ khoa học xã hội, lịch sử, nhân văn đến khoa học tự nhiên, trái đất, sinh học... trong đó: 27.790 cuốn giáo trình, trên 5.000 cuốn tài liệu tham khảo, 8.794 luận án, luận văn, báo cáo NCKH và tài liệu khác. TTHL cũng sở hữu 45.436 tài liệu điện tử, trong đó: 3.366 giáo trình điện tử, 8.069 tài liệu chuyên khảo, tham khảo, 8.345 luận văn luận án, 8.812 kết quả nghiên cứu, 651 bài giảng điện tử, 16.043 bài trích báo, tạp chí, 150 tài liệu nghe nhìn. Tất cả tài nguyên thông tin của TTHL đều được quản lý bằng phần mềm thư viện Elib do cán bộ TTHL viết và Ilib 4.0 của CMC và xử lý dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế của ngành thư viện như: Dublin code, DDC, MARC21, AACR2. Định kỳ hằng năm, TTHL&CNTT phối hợp với trường ĐHKH bổ sung nguồn tài liệu phục vụ cho các đơn vị trong nhà trường.

Thư viện của Nhà trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học, có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả. Thư viện trường ĐHKH có nguồn học liệu trên 4.600 đầu sách in (tương đương 17.240 cuốn) và gần 2.200 tài liệu điện tử, chiếm 47% nguồn học liệu (trong đó chủ yếu là luận văn và luận án) được quản lý trên phần mềm ELIB với đầy đủ các chức năng của một công thông tin thư viện hiện đại và kết nối trực tiếp với nguồn học liệu điện tử của TTHL trên trang website: <http://lib.tnus.edu.vn>. Thư viện của Nhà trường với 4 phòng có diện tích 158m², máy vi tính kết nối Internet. Hàng năm, nhà trường dành một phần kinh phí hợp lư từ nguồn thu học phí để bổ sung nguồn tài liệu cũng như cải tiến chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu tại chỗ của CBVC và người học.

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

11.1. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo, và của trường Đại học Khoa học.

Giờ quy định tính như sau:

1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp
 = 30 tiết thí nghiệm hoặc thực hành

= 30 tiết thí nghiệm hoặc thực hành

= 30 giờ tự học

= 45 ÷ 90 giờ thực tập tại cơ sở

= 45 ÷ 60 giờ thực hiện đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Số giờ của môn học là bội số của 15.

11.2. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ: Theo quy định của Trường Đại học Khoa học và Đại học Thái Nguyên. Trong thời gian học tập, Nhà trường có thể sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định số tín chỉ các môn học trong học kỳ mà sinh viên được phép đăng ký. Sinh viên có thể tự học hoặc đăng ký học theo chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ của Nhà trường.

LÃNH ĐẠO KHOA


TS. Nguyễn Thị Hoàng Lan

PHÒNG ĐÀO TẠO –
QLKH & HTQT


Ngô Văn Đình



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Phạm Thị Phương Thái

1. Introduction

2. Objectives

3. Methodology

4. Results and Discussion

The study was conducted in a laboratory setting. The results showed that the proposed method is effective in reducing the error rate. The error rate was reduced by 15% compared to the baseline method. The results are promising and suggest that the proposed method can be used in practical applications.



1. Introduction

2. Objectives

3. Methodology

4. Results and Discussion

PHỤ LỤC 1: MA TRẬN TƯƠNG QUAN VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

	Chuẩn đầu ra CTĐT																
	1			2					3			4					
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
Học kỳ 1																	
Tiếng Anh 1 English 1	2								2		2						
Cơ sở văn hóa Việt Nam Fundamental culture of Viet Nam	2								3				3				
Tin học đại cương General Informatics	2							3									
Lý luận nhà nước và pháp luật General Theory of State and Law		2		3	3	3	3		3	3		2		3			
Tự chọn																	
Lịch sử Việt Nam đại cương General history of Viet Nam	2					2	2		2								
Tâm lý học tư pháp Legal Psychological	2			2		2	2		2							2	
Kỹ năng giao tiếp Communication skill	2						3		3	3							
Kỹ thuật soạn thảo văn bản Legal text editing skill	2					3		3		3							
Giáo dục thể chất 1																	
Học kỳ 2																	
Tiếng Anh 2 English 2	2								2	2	2						

Tiếng Việt thực hành Vietnamese theory and practice	2							3		3							
Triết học Mác - Lê nin Philosophy of marxism and Leninism nin	2			3		3		2	2	3							
Logic học Logic	2					2	2		3								
Luật Hiến pháp Constitutional Law		2		3		3			3	3		2	3				
Luật Hành chính Administrative Law		2				3	3		3				3				
Giáo dục thể chất 2																	
Học kỳ 3																	
Luật Dân sự 1 Civil Law 1		2		3		3			3				3				3
Luật Hình sự 1 Criminal Law 1		2	2	3	3			3	3	3		3	3				3
Luật Quốc tế International law		2		3	3	3	3		3	3		3	3				3
Tiếng Anh 3 English 3	2								2	2	2						
Kinh tế chính trị Mác - Lê nin Political economics of marxism and Leninism	2					2			2				2				
Môi trường và phát triển bền vững Environment and sustainable development	2					2			2				2				

Luật Tài chính Financial law		2		3	3			2	3					3	3		3
Luật tục các dân tộc thiểu số Việt Nam Customary of Ethnic minority in Viet Nam		2		2				2	3					3	3		
Học kỳ 6																	
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese communist party	2			2	2				2			2	2				
Tư pháp quốc tế International private law		2		3	3				3					3			
Luật Sở hữu trí tuệ Law on Intellectual Property		2			3	3			3					3	3		3
Lý luận về định tội danh Theory of define crime			3	3					3	3			3	2			
Pháp luật An sinh xã hội Law on Social Security		2		3	3				3					3	3		3
Đạo đức nghề luật Legal Morality		2		3	3				3			3	3			3	3
Thực tế chuyên môn 2		3	3		3	3			4	3		3	3		3	3	3
Học kỳ 7																	
Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh 's thought	2			2					2				2				

Tự chọn 2																	
Kỹ năng giải quyết vụ việc dân sự Civil cases resolution skill			3	3	4			3	3	3				4	4		
Kỹ năng tư vấn pháp luật Legal consulting skill			3		4			4	4	4			4			3	4
Kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai Land dispute resolution skill			3		4	4			3						3		
Kỹ năng giải quyết vụ án hình sự Criminal cases resolution skill			3	3				3	3	3			3				
Kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo Skills in handling complaints and denunciations			3	3		3		3	2					3	3		
Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng Contract negotiation and drafting skills			3		4			4	4	4			4			3	4
Học kỳ 8																	
Thực tập tốt nghiệp		3	3	3	3	3	3	3	3	3		2	2	3	3	3	3
Khóa luận TN và học phần thay thế		3	3	3	4	3	3	4	3	3			3	4	4	4	4

PHỤ LỤC 2: LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG – NGÀNH LUẬT

Học phần	Chuẩn đầu ra																
	1			2					3			4					
Học kỳ	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
Học kỳ 1	2.0			2.0		2.3	2.7		2.6		2.6		2.7			2.8	3.0
Học kỳ 2	2.0	2.0		2.5	2.0	2.3	3.0	2.0	3.0	3.0	3.0	3.0	2.8				3.0
Học kỳ 3	2.0	2.0		2.8	2.3	2.6	3.0	2.7	3.0	3.0	3.0	3.0	2.8				3.0
Học kỳ 4		2.0	3.0	2.9	3.0	3.0	3.0		3.0	3.0		3.0	2.8		2.0	3.0	3.0
Học kỳ 5		2.0		2.8	3.0			2.7	3.0					3.0	3.0		3.0
Học kỳ 6		2.9	3.0	2.8	3.0	3.0			3.0	3.0		3.0	3.0		3.0	3.0	3.0
Học kỳ 7	2.0	2.8	3.0	2.8	3.7	3.0	3.0	3.4	3.2	3.5			3.3	3.0	3.0	3.0	3.0
Học kỳ 8		3.5	3.5	3.5	4.0	3.5	4.0	4.0	4.0	4.0	3.5	3.5	4.0	3.5	3.5	3.5	4.0

PHỤ LỤC 3: SƠ ĐỒ TƯƠNG QUAN CỦA CÁC HỌC PHẦN TRONG CTĐT

